

MỘT SỐ KHÍA CẠNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN CỦA TRẺ KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TĂNG THỊ THU TRANG*

Ngày nhận bài: 22/08/2016; ngày sửa chữa: 23/08/2016; ngày duyệt đăng: 23/08/2016.

Abstract: Disabled children are equal in accessing basic rights like average children according to the law on persons with disabilities. However, they are the most marginalized and excluded groups in society. Facing daily discrimination in the form of negative attitudes, lack of adequate policies and legislation, they are effectively barred from realizing their rights to healthcare, education, and even survival. Therefore, the article introduces some provisions of international law and Vietnam for people with disabilities in general and in particular children with disabilities to raise community awareness of rights and duties of disabled children, responsibility of the State, the families of persons with disabilities and the society towards persons with disabilities.

Keywords: People with disabilities, the law on children with disabilities, disabled children.

1. Đặt vấn đề

Người khuyết tật (NKT) nói chung, trẻ em khuyết tật (TEKT) nói riêng được coi là một trong những nhóm dân cư dễ bị tổn thương trong xã hội. Họ luôn phải chịu những đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần, khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội, khó khăn trong việc hưởng thụ đầy đủ các quyền mà Nhà nước thừa nhận cho họ được hưởng. Do vậy, nhiều người trong xã hội nhìn nhận họ ở khía cạnh là một chủ thể đáng thương, là gánh nặng của gia đình và xã hội. Để xóa đi những định kiến về NKT và nâng cao nhận thức cho mọi người về NKT nói chung, TEKT nói riêng, Nhà nước đã ban hành những quy phạm pháp luật để quy định về quyền và nghĩa vụ của NKT, cũng như trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền của NKT trong Luật Người khuyết tật và nhiều văn bản pháp luật khác.

Hiện nay, đã có những nghiên cứu về quyền học tập và học tập hòa nhập của TEKT, về việc khám chữa bệnh cho TEKT, về chăm sóc thay thế và chăm sóc tại gia đình, cộng đồng đối với NKT, đặc biệt có những nghiên cứu về quyền tham gia giao thông theo Luật Giao thông đối với NKT... Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào viết dưới dạng bao quát tổng thể các quy định của pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam về các vấn đề liên quan đến từng lĩnh vực của NKT và TEKT dưới góc độ pháp lý. Bởi vậy, bài viết này sẽ tập trung xem xét và đánh giá trên cơ sở những quy định của pháp luật đối với TEKT, từ đó đề ra

những giải pháp để nâng cao vai trò, vị thế của TEKT, ràng buộc trách nhiệm của các chủ thể khác nhau trong xã hội nhằm tôn trọng và bảo vệ TEKT.

2. Những vấn đề cơ bản liên quan đến NKT, TEKT

2.1. Khái niệm NKT, TEKT. Công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền của NKT xác định: “NKT bao gồm những người bị suy giảm về thể chất, thần kinh, trí tuệ hay giác quan trong một thời gian dài, có quan hệ tương hỗ với hàng loạt những rào cản có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của NKT vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác” [1].

Công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em (TE), định nghĩa: “TE có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật quốc gia áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn” [2].

Theo pháp luật Việt Nam, tại Luật Người khuyết tật, khoản 2, điều 1 quy định: “NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng, được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn”. Bên cạnh đó, Luật Trẻ em năm 2016, quy định: “TE là người dưới 16 tuổi”.

Thông tư liên tịch số 68/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/6/2007 hướng dẫn kinh phí thực hiện Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg ngày 25/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Chăm sóc TE mồ côi không nơi nương tựa, TE bị bỏ rơi, TE tàn tật nặng, TE là nạn nhân của

* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương

chất độc hoá học và TE nhiễm HIV/AIDS dựa vào *cộng đồng giai đoạn 2005-2010*”, đưa ra khái niệm TE tàn tật nặng “là TE bị khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho sinh hoạt, học tập và lao động gặp nhiều khó khăn”.

Từ các khái niệm trên có thể tổng hợp lại khái niệm về TEKT như sau: TEKT là người dưới 16 tuổi bị khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Như vậy, pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam mới chỉ đưa ra định nghĩa về NKT và TE, chưa đưa ra định nghĩa, hoặc giải thích chính thức khái niệm TEKT. Trong khi đó có sự khác nhau về độ tuổi của TE giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, do đó, TEKT được bảo hộ theo pháp luật quốc tế là người dưới 18 tuổi, còn theo pháp luật Việt Nam là người dưới 16 tuổi. Do vậy, cần có một định nghĩa chính thức về TEKT trong pháp luật Việt Nam theo hướng tiếp cận không chỉ dựa trên tình trạng sức khoẻ thể chất, sức khoẻ tâm thần mà cần dựa trên cơ sở quyền để bảo đảm TEKT được hưởng các quyền lợi như tiêu chuẩn quốc tế.

2.2. Pháp luật về TEKT. Trên cơ sở quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như tinh thần Công ước về quyền của NKT, chính sách, pháp luật NKT, TEKT là những chủ trương, nguyên tắc chủ đạo của Nhà nước về xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và các giải pháp thực hiện các chủ trương, nguyên tắc đó. Vai trò của chính sách, pháp luật là cơ sở chính trị - pháp lý để soạn thảo, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm quyền của NKT và TEKT. Chính sách, pháp luật NKT, TEKT phải đặt trong tổng thể hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước và là bộ phận không thể tách rời của toàn bộ chính sách, pháp luật nói chung. Mặt khác, tư tưởng, nguyên tắc chính sách, pháp luật NKT cũng phải được lồng ghép sâu sắc trong nội dung chính sách, pháp luật của tất cả các lĩnh vực của đời sống KT-XH.

Pháp luật về TEKT là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến quyền và nghĩa vụ của TEKT.

Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia vào nhiều điều ước quốc tế về Quyền con người, trong đó có Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền NKT năm 2006, Việt Nam đã kí kết ngày 22/10/2007 và được

Quốc hội khoá XIII phê chuẩn Công ước tại kì họp thứ 8 (ngày 28/11/2014), Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền TE, Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn công ước này vào ngày 20/2/1990, điều đó thể hiện sự cam kết của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền NKT nói chung, TEKT nói riêng. Ngoài hai công ước trên, các văn kiện pháp lí quốc tế quy định về quyền TEKT còn bao gồm: Quy tắc tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc về bình đẳng hoá các cơ hội cho người tàn tật; nguyên tắc về bảo vệ người mắc bệnh tâm thần và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ tâm thần; Tuyên bố Salamanca và Cương lĩnh hành động về giáo dục (GD) theo nhu cầu đặc biệt; Tuyên bố về sự tham gia đầy đủ và bình đẳng của người tàn tật ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và chương trình hành động của “*Thập kỉ người tàn tật khu vực châu Á - Thái Bình Dương (1993-2002)*”. Các văn kiện quốc tế và khu vực là chuẩn mực tối thiểu, chung nhất quy định và bảo đảm quyền của NKT nói chung, trong đó có nhiều quy định liên quan đến quyền của TEKT.

Từ các chuẩn mực quốc tế trên, Nhà nước ta đã có rất nhiều nỗ lực trong việc quy định và thực hiện các cam kết về quyền TEKT như nâng cao nhận thức về quyền trẻ khuyết tật, làm hài hoà giữa các Công ước và luật pháp quốc gia, đẩy mạnh quản lí nhà nước về TEKT, tăng cường nguồn lực đầu tư cho TEKT, ngày càng quan tâm đến vai trò của chính các em trong các quan hệ xã hội. Đặc biệt là đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các hoạt động liên quan đến TEKT và xã hội hóa công tác bảo đảm quyền TEKT thông qua vai trò của nhà nước, cộng đồng xã hội hoặc các tổ chức xã hội dân sự.

Việc kí tham gia và phê chuẩn công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền NKT, Quyền TE làm phát sinh trách nhiệm thành viên công ước nhưng qua đó cũng thể hiện được tinh thần, ý thức trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo đảm, thực thi quyền con người, quyền của NKT, quyền TEKT. Điều đó cũng phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với NKT, TEKT. Sự kiện Việt Nam kí tham gia hai công ước, toàn bộ tinh thần, nội dung quy định của công ước đã ảnh hưởng tích cực đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về NKT ở Việt Nam.

Trên cơ sở các công ước mà Việt Nam kí kết và phê chuẩn, nhằm cụ thể hóa các cam kết quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam về quyền NKT, TEKT, Việt Nam đã

tiến hành soạn thảo và ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau như: **Luật Người khuyết tật, Luật Trẻ em, Luật Giáo dục, Luật Doanh nghiệp, Luật Dạy nghề, Luật Lao động...**

Luật Người khuyết tật năm 2010 ra đời thay thế cho *Pháp lệnh Người tàn tật năm 1998* là bằng chứng thể hiện bước chuyển lớn lao, khá căn bản về nhận thức và hành động thực tế của Nhà nước và xã hội Việt Nam đối với vấn đề NKT. Đó là chuyển từ cách thức tư duy nhìn nhận vấn đề NKT như việc nhân đạo, từ thiện sang tư duy về NKT trên cơ sở quyền con người. Và cho đến nay có thể khẳng định rằng về cơ bản **Luật Người khuyết tật** năm 2010 của Việt Nam được đánh giá là khá tương thích với Công ước về quyền của NKT. **Luật Người khuyết tật** với mong muốn mọi người ứng xử với NKT dựa trên các quy định của pháp luật, tôn trọng và bảo vệ quyền của NKT theo pháp luật chứ không phải dựa trên lòng thương hay ở quan niệm đạo đức đối với NKT và TEKT.

Luật Bảo vệ, Chăm sóc và GD trẻ em được thay thế bởi **Luật Trẻ em** năm 2016, các quy định của luật đã mở rộng hơn về các quyền của TE và TEKT bao gồm 25 quyền, bên cạnh đó quy định mọi trẻ em đều có cơ hội tiếp cận các dịch vụ, phúc lợi xã hội, phát huy tối đa các cơ hội trưởng thành, được sống trong môi trường gia đình hạnh phúc, đồng thời chỉ ra các cấp độ bảo vệ TEKT và nguồn lực tài chính và nhân lực trong bảo vệ TEKT. Đặc biệt, **Luật Trẻ em** quy định việc TEKT được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc gia đình thay thế. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT tại cơ sở trợ giúp TE chỉ áp dụng cho những TE không được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc gia đình thay thế và coi đó là biện pháp cuối cùng.

Bên cạnh hai văn bản pháp luật trên quy định về TEKT, Nhà nước ta ban hành hàng loạt văn bản liên quan như **Luật Giáo dục** và các văn bản hướng dẫn thi hành **Luật Giáo dục**, quy định về quyền học tập, học tập hòa nhập của TEKT, theo đó, điều 10, **Luật Giáo dục** quy định: "*Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân... Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình*". Thông tư số 39/2009/TT - BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GD-ĐT ban hành quy định về GD hoà nhập cho TE có hoàn cảnh đặc biệt, mọi

TE có hoàn cảnh đặc biệt đều được học tập bình đẳng trong các cơ sở GD của hệ thống GD quốc dân, được GD các kĩ năng sống, học văn hoá, hướng nghiệp, học nghề để hoà nhập cộng đồng và mọi TE được nhận một nền GD phù hợp với hoàn cảnh sống, nhu cầu và khả năng học tập trong các giai đoạn phát triển của trẻ.

Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật Dạy nghề và *Nghị định số 43/2008/NĐ-CP ngày 8/04/2008 của Chính phủ* quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điều 62 và 72 của **Luật Dạy nghề** quy định về chính sách học nghề, trách nhiệm của cơ sở dạy nghề trong việc bảo đảm các điều kiện dạy nghề cho NKT, quy định về vấn đề việc làm cho NKT và TEKT, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tuyển dụng, bố trí việc làm bảo đảm các điều kiện làm việc và các chính sách của Nhà nước nhằm tạo việc làm cho NKT. Quy định về tỉ lệ nhận NKT vào làm việc tại doanh nghiệp và việc miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp nhận người lao động vào làm việc là NKT.

Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân quy định về bảo vệ sức khoẻ người cao tuổi, thương binh, bệnh binh, người tàn tật và đồng bào dân tộc thiểu số. Theo đó, người cao tuổi, thương binh, bệnh binh và người tàn tật được ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh, được tạo điều kiện thuận lợi để đóng góp cho xã hội phù hợp với sức khoẻ của mình.

Luật trợ giúp pháp lí, NKT và TE không nơi nương tựa, người già cô đơn, người nghèo, người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn là thuộc diện trợ giúp pháp lí miễn phí. Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, NKT nói chung trong đó có TEKT là đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lí miễn phí.

Luật Giao thông đường bộ năm 2008, **Luật Đường sắt** năm 2005, **Luật Hàng không dân dụng** năm 2006, *Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật*, quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo NKT tiếp cận, sử dụng quy chuẩn Việt Nam. Vấn đề tham gia giao thông của NKT trong pháp luật Việt Nam đã có những bước phát triển tiến bộ, quy định khá cụ thể, đầy đủ ở từng hình thức và phương tiện giao thông. Quyền tham gia giao thông của NKT thể hiện chủ yếu ở những quy định của pháp luật về việc đi bộ, sử dụng phương tiện cá nhân (xe gắn máy, xe mô tô), phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, ô tô chở khách

tuyến cố định, taxi, máy bay, tàu hỏa, tàu điện, tàu thủy, phà...).

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b, khoản 1, điều 76 quy định trong trường hợp người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ. Trong trường hợp này, họ được hưởng sự hỗ trợ pháp lí miễn phí và người bào chữa có quyền tham gia hỗ trợ cho họ ngay từ khi khởi tố bị can. Bộ luật Tố tụng hình sự còn quy định bảo đảm quyền tự do và an ninh của NKT, trên cơ sở bình đẳng với tất cả mọi công dân khác và không có quy định nào liên quan tới việc tước tự do vì lí do khuyết tật. Đồng thời quy định áp dụng thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là áp dụng chung cho cả NKT, là người chưa thành niên.

Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nuôi con nuôi quy định về vấn đề tài sản, con nuôi, giám hộ đối với người chưa thành niên,... trong đó có TEKT và người chưa thành niên khuyết tật như: nhận TE làm con nuôi, thay đổi họ tên của con nuôi, nếu TE đủ 9 tuổi trở lên phải được sự đồng ý của TE đó. Và khi toà án giải quyết việc trông nom, chăm sóc, GD, nuôi dưỡng con sau khi li hôn, hay việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi li hôn, quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 9 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên quy định: Trong trường hợp cha mẹ quản lí tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, có tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ 9 tuổi trở lên. Và con từ 15 đến dưới 18 tuổi có quyền định đoạt tài sản riêng; nếu định đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý của cha mẹ.

Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về tiếng nói chữ viết dùng trong tố tụng dân sự. cụ thể tại Điều 20: Người tham gia tố tụng dân sự là NKT nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền dùng ngôn ngữ, kí hiệu, chữ dành riêng cho NKT; trường hợp này phải có người biết ngôn ngữ, kí hiệu, chữ dành riêng cho NKT để dịch lại. Bên cạnh đó, Bộ luật tố tụng dân sự còn quy định về người đại diện, người giám hộ cho người NKT khi tham gia các quan hệ pháp luật.

Có thể nói, trên cơ sở tham gia và phê chuẩn các công ước quốc tế về các vấn đề liên quan đến NKT,

Việt Nam đã ban hành một hệ thống pháp luật khá đầy đủ, chi tiết nhằm cụ thể hóa các quy định trong Công ước NKT và các công ước khác mà Việt Nam là thành viên.

3. Từ trước tới nay, việc xây dựng chính sách, pháp luật cho NKT chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ nhân đạo, từ thiện. Nhà nước trợ cấp cho NKT một khoản tiền để nuôi dưỡng, giúp họ vượt qua khó khăn về kinh tế để sống và tồn tại. Đây là cách tiếp cận mang tính “thực dụng”. Cần phải đổi mới cách tiếp cận theo hướng dựa trên cơ sở quyền của NKT. Các chính sách, pháp luật của Nhà nước nên tập trung nhiều vào việc tạo điều kiện để NKT được thực hiện đầy đủ các quyền của công dân. Phải bảo vệ quyền cho NKT trên cơ sở thiết lập một cơ chế phù hợp để gắn kết họ với công việc, cuộc sống, với các dịch vụ xã hội... theo hướng Nhà nước, xã hội và cá nhân cùng chăm lo cho bộ phận dân cư yếu thế này. Đây là giải pháp tích cực và hiệu quả nhất nhằm phát huy vai trò của mọi tổ chức, cá nhân và bản thân NKT cùng chăm lo cho NKT trong điều kiện kinh tế đất nước còn gặp nhiều khó khăn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền của người khuyết tật.
- [2] Công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em.
- [3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2013). *Phân tích tình hình trẻ em khuyết tật ở Việt Nam*. NXB Lao động Xã hội.
- [4] Viện Nghiên cứu quyền con người (2012). *Bình luận và khuyến nghị chung của các Ủy ban công ước thuộc Liên Hiệp Quốc về quyền con người*. NXB Công an nhân dân.
- [5] Vũ Ngọc Bình (2012). *Quyền con người và người tàn tật*. NXB Lao động - Xã hội.
- [6] Viện Nghiên cứu quyền con người (2014). *Bình luận và khuyến nghị chung của các uỷ ban công ước thuộc Liên Hiệp Quốc về quyền con người*. NXB Công an nhân dân.
- [7] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2012). Trung tâm nghiên cứu quyền con người. *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [8] Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách và pháp luật đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em của Ủy ban Văn hóa - Giáo dục thanh niên - thiếu niên - nhi đồng ngày 17/10/2015.
- [9] Tăng Thị Thu Trang (2015). Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “*Quyền học tập của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội*”. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.